

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – CẦN THƠ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 124/2025/DS-ST

Ngày: 29 – 9 – 2025

*“V/v Tranh chấp hợp
đồng tín dụng”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Văn Lộc
2. Bà Phạm Thị Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Cần Thơ tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Diệp – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 111/2025/TLST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2025 về *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 238/2025/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 172/2025/QĐST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP N.

Địa chỉ: Số nhà A đường T, phường G, Thành phố Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Mã Quốc T (Có mặt).

Địa chỉ: Số nhà C đường T, phường P, thành phố Cần Thơ.

*** Bị đơn:**

- Ông Trần Thái V, sinh năm 1974 (vắng mặt).

- Bà Lê Thị Minh T1, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp H, xã N, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 19/8/2024 của nguyên đơn và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện do nguyên đơn ủy quyền ông Mã Quốc T trình bày:

Ngày 01/12/2023, Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh S (gọi tắt là Ngân hàng) với ông Trần Thái V và bà Lê Thị Minh T1 đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 0191/23/HĐHM/VC/TN/NT. Theo Hợp đồng, Ngân hàng cho ông Trần Thái V và bà Lê Thị Minh T1 vay số tiền 5.000.000.000đ (năm tỷ đồng); mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh; lãi suất tùy từng thời điểm trên từng giấy nhận nợ; thời hạn vay là 6 tháng; trả lãi định kỳ vào ngày 26 hàng tháng.

Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay, ông Trần Thái V và bà Lê Thị Minh T1 ký với Ngân hàng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0076/22/HĐTC/VC/TN ngày 27/6/2022, tài sản thế chấp gồm:

- Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 438278 phần đất có diện tích là 13.545,5m² tại thửa đất số 171 tờ bản đồ số 7 tọa lạc tại ấp H, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã N, thành phố Cần Thơ); do ông Trần Thái V đứng tên.

- Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 732401 phần đất có diện tích là 2.127,6m² tại thửa đất số 495 tờ bản đồ số 7 tọa lạc tại ấp H, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã N, thành phố Cần Thơ); do ông Trần Thái V đứng tên.

- Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 261164 phần đất có diện tích là 4.440,8m² tại thửa đất số 541 tờ bản đồ số 7 tọa lạc tại ấp H, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã N, thành phố Cần Thơ); do ông Trần Thái V đứng tên.

Tính đến ngày 29/9/2025, ông Trần Thái V và bà Lê Thị Minh T1 còn nợ của Ngân hàng tổng cộng là 5.478.608.895đ (năm tỷ bốn trăm bảy mươi tám triệu sáu trăm lẻ tám nghìn tám trăm chín mươi lăm đồng) trong đó tiền nợ gốc là 5.000.000.000đ (năm tỷ đồng), lãi trong hạn là 357.495.881đ (ba trăm năm mươi bảy triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn tám trăm tám mươi một đồng), lãi quá hạn là 121.113.014đ (một trăm hai mươi một triệu một trăm mười ba nghìn không trăm mười bốn đồng).

Nay, Ngân hàng TMCP N yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc ông Trần Thái V và bà Lê Thị Minh T1 phải liên đới thanh toán số nợ nêu trên. Đồng thời, ông V – bà T1 còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo lãi suất của Hợp đồng từ ngày 30/9/2025 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

T2 hợp ông V – bà T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Đối với chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định.

Đối bị đơn ông Trần Thái V và bà Lê Thị Minh T1: Dù được tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, tại Thông báo thể hiện đầy đủ những tình tiết, sự kiện, tài liệu, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nhưng ông Trần Thái V và bà Lê Thị Minh T1 không phản đối, không có văn bản trình bày ý kiến và nguyện vọng của mình. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án có tiến hành triệu tập các đương sự nhưng ông Trần Thái V và bà Lê Thị Minh T1 cũng vắng mặt không có lý do trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp trên cho các đương sự được biết và đưa vụ án ra xét xử. Phiên tòa ngày 12/9/2025, ông Trần Thái V và bà Lê Thị Minh T1 vẫn vắng mặt và không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Chứng cứ Tòa án thu thập được là: Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Qua thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật, riêng bị đơn ông Trần Thái V và bà Lê Thị Minh T1 mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Trần Thái V và bà Lê Thị Minh T1 theo quy định của pháp luật. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử đã xác định đúng quan hệ tranh chấp.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi

kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Trần Thái V và bà Lê Thị Minh T1 có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng số tiền vốn và lãi đến ngày 29/9/2025 tổng cộng 5.478.608.895đ (năm tỷ bốn trăm bảy mươi tám triệu sáu trăm lẻ tám nghìn tám trăm chín mươi lăm đồng) trong đó tiền nợ gốc là 5.000.000.000đ (năm tỷ đồng), lãi trong hạn là 357.495.881đ (ba trăm năm mươi bảy triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn tám trăm tám mươi một đồng), lãi quá hạn là 121.113.014đ (một trăm hai mươi một triệu một trăm mười ba nghìn không trăm mười bốn đồng). Đồng thời, ông V và bà T1 còn phải tiếp tục liên đới trả lãi phát sinh theo lãi suất của Hợp đồng kể từ ngày 30/9/2025 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ. Trường hợp ông V và bà T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ. Quyết định về nghĩa vụ chịu án phí và chi phí tố tụng đối với đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại Hợp đồng tín dụng, các bên thỏa thuận lựa chọn Tòa án giải quyết là Tòa án nơi nguyên đơn có trụ sở chi nhánh tại thời điểm tranh chấp, do Ngân hàng TMCP N – chi nhánh S có trụ sở tại thị xã V. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cần Thơ) theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Trần Thái V và bà Lê Thị Minh T1 đã được triệu tập hợp lệ hai lần tham gia phiên tòa, đều vắng mặt không có lý do nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt của mình. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt ông Trần Thái V và bà Lê Thị Minh T1.

[2] Về nội dung giải quyết:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện đòi nợ gốc, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1.1] Xét tính hiệu lực của Hợp đồng tín dụng số 0191/23/HĐHM/VC/TN/NT ngày 01/12/2023. Ông V và bà T1 đã nhận đủ số tiền vay là 5.000.000.000đ (năm tỷ đồng); mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh. Nội dung của hợp đồng tuân thủ các

quy định của pháp luật. Xác định hợp đồng tín dụng số 0191/23/HĐHM/VC/TN/NT ngày 01/12/2023 có hiệu lực pháp luật và các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng.

Thực hiện Hợp đồng tín dụng Ngân hàng đã giải ngân và ông V – bà T1 đã nhận đủ tiền vay là 5.000.000.000đ (năm tỷ đồng). Như vậy Ngân hàng đã thực hiện đúng thỏa thuận trong hợp đồng.

Sau khi vay được tiền, ông V – bà T1 đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng như thỏa thuận trong hợp đồng. Như vậy, ông V – bà T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và bị xác định là vi phạm hợp đồng. Do đó Ngân hàng khởi kiện yêu cầu phải trả toàn bộ số nợ gốc là có cơ sở chấp nhận.

[2.1.2] Đối với nợ lãi: Hợp đồng tín dụng số 0191/23/HĐHM/VC/TN/NT ngày 01/12/2023 có lãi suất thỏa thuận tùy từng thời điểm cho vay của từng giấy nhận nợ. Đây là lãi suất do các bên thỏa thuận và không vi phạm các quy định của pháp luật về lãi suất. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện Hợp đồng, ông V – bà T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả lãi và bị xác định là vi phạm hợp đồng. Do đó Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông V – bà T1 phải trả nợ lãi trên dư nợ gốc là có cơ sở chấp nhận.

Kể từ ngày 30/9/2025, vợ chồng ông V – bà T1 còn phải tiếp tục chịu lãi đối với số tiền gốc còn nợ theo lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản thế chấp theo thỏa thuận Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp tài sản:

Đối với yêu cầu đề nghị xử lý khôi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản, Hội đồng xét xử xét thấy: Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay, ông Trần Thái V và bà Lê Thị Minh T1 đã ký kết với Ngân hàng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0076/22/HĐTC/VC/TN ngày 27/6/2022, tài sản thế chấp gồm:

- Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 438278 phần đất có diện tích là 13.545,5m² tại thửa đất số 171 tờ bản đồ số 7 tọa lạc tại ấp H, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã N, thành phố Cần Thơ); do ông Trần Thái V đứng tên; có vị trí tứ cận như sau:

- + Hướng Đông giáp thửa 445.
- + Hướng Tây giáp thửa 173.
- + Hướng Nam giáp K và thửa 172.

+ Hướng Bắc giáp thửa 170.

Hiện trạng đất hoang không có tài sản gì trên đất.

- Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 732401 phần đất có diện tích là 2.127,6m² tại thửa đất số 495 tờ bản đồ số 7 tọa lạc tại ấp H, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã N, thành phố Cần Thơ); do ông Trần Thái V đứng tên; có vị trí tứ cận như sau:

+ Hướng Đông giáp thửa 163.

+ Hướng Tây giáp thửa 171.

+ Hướng Nam giáp Kênh.

+ Hướng Bắc giáp thửa 541.

Hiện trạng đất hoang không có tài sản gì trên đất.

- Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 261164 phần đất có diện tích là 4.440,8m² tại thửa đất số 541 tờ bản đồ số 7 tọa lạc tại ấp H, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã N, thành phố Cần Thơ); do ông Trần Thái V đứng tên; có vị trí tứ cận như sau:

+ Hướng Đông giáp thửa 163.

+ Hướng Tây giáp thửa 174.

+ Hướng Nam giáp K và thửa 171.

+ Hướng Bắc giáp thửa 170, 169 và 167.

Hiện trạng đất hoang không có tài sản gì trên đất.

Khi tham gia ký Hợp đồng thế chấp tài sản thì ông V và bà T1 tự nguyện, trực tiếp ký kết với Ngân hàng. Trong quá trình giải quyết vụ án, các bị đơn vắng mặt, không có ý kiến gì đối với yêu cầu của Ngân hàng về việc nếu không thanh toán nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Hội đồng xét xử nhận định: Khi ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản, đã thực hiện đúng về hình thức, trình tự, thủ tục và tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Theo đó thỏa thuận trong Hợp đồng thế chấp do hai bên ký kết có hiệu lực pháp luật và các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ theo thỏa thuận của Hợp đồng thế chấp tài sản.

Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn đề nghị xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp vợ chồng ông V – bà T1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ và phù hợp với thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Theo đó, trường hợp vợ chồng ông V – bà T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ và Ngân hàng đề nghị cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp thì bị đơn ông Trần Thái V và bà Lê Thị Minh T1 phải bàn giao tài sản theo Hợp đồng thế chấp để Ngân hàng thu hồi nợ.

[3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, ông V và bà T1 phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.100.000đ (một triệu một trăm nghìn đồng). Do nguyên đơn đã nộp tạm ứng nên ông V và bà T1 phải liên đới trả lại cho nguyên đơn số tiền nêu trên là 1.100.000đ (một triệu một trăm nghìn đồng).

[4] Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, ông V và bà T1 phải chịu án phí có giá ngạch tương ứng với nghĩa vụ thanh toán quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

[5] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Cần Thơ là có căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn như đã nhận định ở trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 295, 303, 325, 463, 466 và 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 90, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP N đối với bị đơn ông Trần Thái V và bà Lê Thị Minh T1 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

2. Buộc bị đơn ông Trần Thái V và bà Lê Thị Minh T1 có trách nhiệm liên đới

trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP N dư nợ tính đến ngày 29/9/2025 tổng cộng là 5.478.608.895đ (năm tỷ bốn trăm bảy mươi tám triệu sáu trăm lẻ tám nghìn tám trăm chín mươi lăm đồng) trong đó tiền nợ gốc là 5.000.000.000đ (năm tỷ đồng), lãi trong hạn là 357.495.881đ (ba trăm năm mươi bảy triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn tám trăm tám mươi một đồng), lãi quá hạn là 121.113.014đ (một trăm hai mươi một triệu một trăm mười ba nghìn không trăm mười bốn đồng).

Đồng thời ông V và bà T1 còn phải liên đới trả cho Ngân hàng tiền lãi phát sinh tính trên số nợ gốc theo hợp đồng kể từ ngày 30/9/2025 cho đến khi trả xong số nợ gốc.

3. Trường hợp ông Trần Thái V và bà Lê Thị Minh T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP N và Ngân hàng đề nghị cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ thì bị đơn ông Trần Thái V và bà Lê Thị Minh T1 phải bàn giao tài sản theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0076/22/HĐTC/VC/TN ngày 27/6/2022, tài sản thế chấp gồm:

- Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 438278 phần đất có diện tích là 13.545,5m² tại thửa đất số 171 tờ bản đồ số 7 tọa lạc tại ấp H, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã N, thành phố Cần Thơ); do ông Trần Thái V đứng tên; có vị trí tứ cận như sau:

- + Hướng Đông giáp thửa 445.
- + Hướng Tây giáp thửa 173.
- + Hướng Nam giáp K và thửa 172.
- + Hướng Bắc giáp thửa 170.

Hiện trạng đất hoang không có tài sản gì trên đất.

- Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 732401 phần đất có diện tích là 2.127,6m² tại thửa đất số 495 tờ bản đồ số 7 tọa lạc tại ấp H, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã N, thành phố Cần Thơ); do ông Trần Thái V đứng tên; có vị trí tứ cận như sau:

- + Hướng Đông giáp thửa 163.
- + Hướng Tây giáp thửa 171.
- + Hướng Nam giáp Kênh.
- + Hướng Bắc giáp thửa 541.

Hiện trạng đất hoang không có tài sản gì trên đất.

- Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 261164 phần đất có diện tích là 4.440,8m² tại thửa đất số 541 tờ bản đồ số 7 tọa lạc tại ấp H, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã N, thành phố Cần Thơ); do ông Trần Thái V đứng tên; có vị trí tứ cận như sau:

- + Hướng Đông giáp thửa 163.
- + Hướng Tây giáp thửa 174.
- + Hướng Nam giáp K và thửa 171.
- + Hướng Bắc giáp thửa 170, 169 và 167.

Hiện trạng đất hoang không có tài sản gì trên đất.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Trần Thái V và bà Lê Thị Minh T1 liên đới chịu là 1.100.000đ (một triệu một trăm nghìn đồng), số tiền này nguyên đơn Ngân hàng TMCP N đã nộp xong, ông Trần Thái V và bà Lê Thị Minh T1 có nghĩa vụ liên đới trả lại cho nguyên đơn 1.100.000đ (một triệu một trăm nghìn đồng).

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Thái V và bà Lê Thị Minh T1 phải liên đới chịu là 113.478.608đ (một trăm mười ba triệu bốn trăm bảy mươi tám nghìn sáu trăm lẻ tám đồng).

Ngân hàng TMCP N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.525.426đ (năm mươi sáu triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn bốn trăm hai mươi sáu đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0006395 ngày 26/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8 – Cần Thơ).

6. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án; Riêng các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án

dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- VKSND Khu vực 8 – Cần Thơ;
 - Phòng THADS Khu vực 8 – Cần Thơ;
 - TAND thành phố Cần Thơ;
 - Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ.
- VÕ THỊ HIẾU**